

Học phần: Toán cao cấp 2

Nhóm: 5

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi: 8h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
1	B15DCQT013	Đỗ Tuấn Anh	D15CQQT01-B	10,0	4,0	4,0	6,5	6,4	
2	B15DCQT010	Nguyễn Quỳnh Anh	D15CQQT02-B	6,0	3,0	3,0	1,0	1,9	
3	B15DCMR009	Trần Thị Quỳnh Anh	D15CQMR03-B	8,0	4,0	4,0	3,0	3,7	
4	B15DCMR011	Nguyễn Mạnh Cầm	D15CQMR02-B	8,0	3,0	3,0	4,5	4,6	
5	B15DCTT008	Đặng Văn Cường	D15CQTT02-B	10,0	5,0	5,0	5,5	5,9	
6	B15DCPT028	Nguyễn Lê Tuấn Cường	D15CQPT03-B	10,0	8,0	8,0	9,5	9,3	
7	B15DCQT020	Bùi Công Đàm	D15CQQT04-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
8	B15DCKT027	Nguyễn Văn Đức	D15CQKT03-B	10,0	6,0	6,0	8,5	8,2	
9	B15DCPT043	Vũ Văn Đức	D15CQPT03-B	10,0	3,0	3,0	2,0	3,0	
10	B15DCQT029	Trần Thị Kim Dung	D15CQQT01-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
11	B15DCKT030	Hoàng Minh Dương	D15CQKT02-B	8,0	6,0	6,0	3,0	4,1	
12	B15DCQT033	Vũ Thị Thùy Dương	D15CQQT01-B	10,0	8,0	8,0	7,5	7,9	
13	B15DCPT064	Nguyễn Thị Hà	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	9,0	8,3	
14	B15DCQT040	Nguyễn Thị Ngân Hà	D15CQQT04-B	10,0	5,0	5,0	4,0	4,8	
15	B12DCQT229	Bùi Thị Hải	D12QTM1	10,0	7,0	7,0	6,0	6,6	
16	B12DCKT012	Nguyễn Thị Hân	D12CQKT01-B	8,0	3,0	3,0	5,0	4,9	
17	B15DCKT052	Ngô Thị Thanh Hiền	D15CQKT04-B	8,0	5,0	5,0	3,0	3,9	
18	B15DCPT078	Nguyễn Thị Hiền	D15CQPT03-B	10,0	7,0	7,0	5,0	5,9	
19	B15DCPT091	Nguyễn Minh Hiếu	D15CQPT01-B	10,0	5,0	5,0	6,0	6,2	
20	B15DCQT057	Trần Trung Hiếu	D15CQQT01-B	8,0	3,0	3,0	2,0	2,8	
21	B15DCTT026	Tạ Xuân Hình	D15CQTT02-B	10,0	3,0	3,0	1,0	2,3	
22	B13CCQT010	Nguyễn Thị Thanh Hòa	C13CQQT01-B	10,0	5,0	5,0	2,0	3,4	
23	B15DCTT028	Trần Minh Hòa	D15CQTT02-B	8,0	4,0	4,0	8,5	7,6	
24	B15DCQT068	Phạm Hữu Hoan	D15CQQT04-B	10,0	7,0	7,0	4,5	5,6	
25	B15DCQT073	Hán Văn Hoàng	D15CQQT01-B	10,0	3,0	3,0	3,0	3,7	
26	B13CCQT057	Nguyễn Văn Hoàng	C13CQQT02-B	8,0	3,0	3,0	3,0	3,5	
27	B15DCPT099	Vũ Đức Huy Hoàng	D15CQPT04-B	10,0	4,0	4,0	4,5	5,0	
28	B15DCTT034	Phạm Thế Huân	D15CQTT02-B	8,0	7,0	7,0	5,0	5,7	
29	B15DCPT104	Phạm Thị Thu Huế	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	10,0	9,0	
30	B15DCMR033	Đặng Văn Hùng	D15CQMR03-B	6,0	3,0	3,0	2,5	3,0	
31	B15DCQT080	Phan Bá Hùng	D15CQQT04-B	8,0	3,0	3,0		1,4	Vắng
32	B15DCMR036	Đào Thị Diễm Hương	D15CQMR03-B	8,0	3,0	3,0	9,5	8,1	
33	B15DCKT073	Nguyễn Thị Hương	D15CQKT01-B	10,0	9,0	10,0	7,5	8,2	
34	B15DCPT115	Đinh Văn Huy	D15CQPT05-B	8,0	3,0	3,0		1,4	Vắng

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
35	B15DCKT075	Hoàng Thị Thanh Huyền	D15CQKT03-B	8,0	3,0	3,0		1,4	Vắng
36	B15DCPT122	Nguyễn Văn Khanh	D15CQPT02-B	10,0	3,0	3,0	5,5	5,5	
37	B15DCQT100	Trịnh Thị Lan	D15CQQT04-B	10,0	8,0	8,0	8,0	8,2	
38	B15DCQT109	Phạm Hà Linh	D15CQQT01-B	10,0	6,0	6,0	3,0	4,3	
39	B15DCMR054	Nguyễn Thị Loan	D15CQMR03-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
40	B13CCQT023	Vũ Nguyễn Tuấn Minh	C13CQQT01-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
41	B15DCPT155	Lê Phương Nam	D15CQPT05-B	10,0	7,0	7,0	8,0	8,0	
42	B15DCMR066	Nguyễn Bá Nam	D15CQMR03-B	8,0	4,0	4,0	3,0	3,7	
43	B15DCPT160	Nguyễn Hoài Nam	D15CQPT05-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
44	B15DCQT121	Nguyễn Tiến Nam	D15CQQT01-B	10,0	5,0	5,0	4,5	5,2	
45	B15DCQT125	Nguyễn Thị Minh Ngọc	D15CQQT01-B	6,0	6,0	6,0		1,8	Vắng
46	B15DCKT122	Trần ánh Ngọc	D15CQKT02-B	8,0	4,0	4,0		1,6	Đình chỉ thi
47	B15DCQT128	Nguyễn Thị Nguyệt	D15CQQT04-B	8,0	5,0	5,0		1,8	Vắng
48	B15DCQT130	Trần Công Nhật	D15CQQT02-B	10,0	3,0	3,0	4,0	4,4	
49	B15DCKT134	Phan Thị Oanh	D15CQKT02-B	10,0	8,0	8,0	9,0	8,9	
50	B15DCKT135	Vũ Thị Tú Oanh	D15CQKT03-B	10,0	4,0	4,0	3,0	3,9	
51	B13CCKT098	Nguyễn Tài Phú	C13CQKT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
52	B15DCQT138	Ngô Công Phương	D15CQQT02-B	6,0	6,0	6,0	3,0	3,9	
53	B13CCKT100	Nguyễn Thanh Phương	C13CQKT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
54	B15DCPT187	Nguyễn Thị Hồng Quế	D15CQPT02-B	10,0	3,0	3,0	4,0	4,4	
55	B15DCQT141	Nguyễn Đức Quỳnh	D15CQQT01-B	10,0	5,0	3,0	3,5	4,3	
56	B15DCKT148	Đỗ Việt Sơn	D15CQKT04-B	10,0	5,0	3,0		1,8	
57	B15DCKT150	Nguyễn Ngọc Sơn	D15CQKT02-B	10,0	6,0	6,0	6,0	6,4	
58	B15DCPT197	Đỗ Đức Tài	D15CQPT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
59	B15DCQT153	Lê Thị Tâm	D15CQQT01-B	10,0	6,0	6,0	4,0	5,0	
60	B15DCPT200	Nguyễn Hồng Anh Tấn	D15CQPT05-B	8,0	7,0	7,0	5,0	5,7	
61	B15DCPT206	Lê Thanh Thanh	D15CQPT01-B	10,0	6,0	6,0	7,0	7,1	
62	B15DCPT207	Nguyễn Chí Thanh	D15CQPT02-B	8,0	3,0	3,0	4,5	4,6	
63	B15DCQT157	Phạm Duy Thành	D15CQQT01-B	10,0	3,0	3,0	2,0	3,0	
64	B15DCPT215	Nguyễn Phương Thảo	D15CQPT05-B	10,0	3,0	3,0	8,0	7,2	
65	B15DCKT161	Nguyễn Thị Thảo	D15CQKT01-B	8,0	5,0	5,0	2,0	3,2	
66	B15DCMR093	Nguyễn Thị Thảo	D15CQMR03-B	10,0	9,0	9,0	5,0	6,3	
67	B15DCQT162	Lưu Duy Thịnh	D15CQQT02-B	10,0	4,0	4,0	2,0	3,2	
68	B12DEPT026	Trần Tiến Thọ	E12TTDPT	8,0	5,0	5,0		1,8	Vắng
69	B15DCMR103	Bùi Đức Thuận	D15CQMR01-B	10,0	7,0	7,0	6,0	6,6	
70	B15DCPT220	Hoàng Đức Thuận	D15CQPT05-B	10,0	4,0	4,0		1,8	Vắng

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm BTTL	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	10	70		
71	B13CCKT108	Nguyễn Thị Thủy	C13CQKT02-B	8,0	5,0	5,0	3,0	3,9	
72	B15DCKT184	Đỗ Thị Tốt	D15CQKT04-B	10,0	6,0	6,0	7,0	7,1	
73	B15DCQT176	Lê Thị Trang	D15CQQT04-B	10,0	4,0	4,0	5,0	5,3	
74	1024010175	Nguyễn Anh Tuấn	D12QTDN1	6,0	5,0	5,0	5,5	5,5	
75	B15DCQT190	Đinh Xuân Tùng	D15CQQT02-B	8,0	6,0	6,0	4,0	4,8	
76	B15DCPT263	Lưu Thanh Tùng	D15CQPT03-B	10,0	7,0	7,0	2,0	3,8	
77	B15DCPT264	Nguyễn Đức Tường	D15CQPT04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
78	B15DCTT086	Ngô Thị Vân	D15CQTT02-B	10,0	7,0	7,0	6,5	7,0	
79	B15DCPT269	Nguyễn Thị Cẩm Vân	D15CQPT04-B	10,0	5,0	5,0	3,0	4,1	

- Số SV theo DS: 79 SV
 - Số SV thi đạt: 46 SV
 - Số SV thi không đạt: 33 SV
 - Số SV thi lại: 0 SV

- Số SV dự thi: 65 SV
 - Số SV vắng thi: 7 SV
 - Số SV vắng thi có phép: 0 SV

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

SỐ 1

SỐ 2

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2016

TRƯỞNG TRUNG TÂM

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường